

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2022/HS-ST**
Ngày 29/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Khắc Đồng và bà Lê Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2022/TLST- HS ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST- HS ngày 11/02/2022 và các quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/HSST-QĐ ngày 24/02/2022; số 14/2022/HSST-QĐ ngày 22/3/2022 và số 26/2022/HSST-QĐ ngày 19/4/2022, đối với bị cáo:

Trần Thành L; sinh ngày 22/4/1987 tại Tuyên Quang;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn YQ, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 13, phường T1, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Điều dưỡng viên; nơi làm việc: Bệnh viện p tỉnh Tuyên Quang; con ông Trần Văn X và bà Tạ Thị Đ; có vợ là Phan Thị Th và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn YQ, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Vi Việt D**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (có đơn xin xử vắng mặt).

2. Chị **Đặng Thị Thu H**, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (có đơn xin xử vắng mặt)

3. Anh **Phạm Thế A**, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2021, trên địa bàn

thành phố Tuyên Quang bị cáo Trần Thành L đã nhiều lần cho người khác vay tiền, thu lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể:

- Cho anh Phạm Thế A, trú tại tổ dân phố 02, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay 01 lần. Cụ thể:

Ngày 20/01/2021, bị cáo cho anh Phạm Thế A vay 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày; tính lãi 30 ngày/01 tháng, các tháng bù cho nhau, những tháng nào có ngày 31 thì không tính lãi ngày thứ 31. Sau khi vay tiền, anh Phạm Thế A đã 04 lần trả lãi cho bị cáo, cụ thể: Ngày 20/01/2021 trả 1.300.000 đồng; ngày 18/8/2021 trả 1.000.000 đồng; ngày 15/9/2021 trả 1.000.000 đồng; ngày 12/10/2021 trả 2.000.000 đồng tính lãi đến ngày 20/10/2021 (từ ngày 20/2/2021 đến 20/7/2021 do anh Phạm Thế A ốm nằm viện phải điều trị nên bị cáo thỏa thuận với anh Phạm Thế A không thu tiền lãi).

Như vậy bị cáo cho anh Phạm Thế A vay số tiền gốc là 15.000.000 đồng, anh cho Phạm Thế A đã trả cho bị cáo tổng số lãi là 5.300.000 đồng (*bị cáo thu tiền lãi của 120 ngày, tương đương lãi suất 107,6%/năm, gấp 5,38 lần lãi suất theo quy định*), trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 986.301 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.313.699 đồng. Đến ngày 05/11/2021 Cơ quan điều tra phát hiện; số tiền lãi từ ngày 21/10/2021 đến ngày 05/11/2021 theo thỏa thuận anh Phạm Thế A phải trả cho bị cáo là 720.000 đồng (tiền lãi của 16 ngày; tương đương lãi suất 109,5% /năm, gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định, trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 131.500 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 588.500 đồng) anh cho Phạm Thế A chưa trả bị cáo. Toàn bộ lãi 5.300.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Đối với gốc 15.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 21/10/2021 đến ngày 05/11/2021 là 720.000 đồng anh Phạm Thế A chưa trả cho bị cáo.

- Cho chị Đặng Thị Thu H, trú tại tổ dân phố 04, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay 01 lần. Cụ thể:

Ngày 31/7/2020, bị cáo cho chị H vay 35.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau khi vay tiền, chị H đã 15 lần trả lãi cho bị cáo, cụ thể: Ngày 28/8/2020 trả 2.700.000 đồng; ngày 30/9/2020 trả 450.000 đồng; các ngày 14/10/2020, 07/11/2020, 09/12/2020, 06/01/2021, 09/02/2021, 10/3/2021, 09/4/2021, 10/5/2021, 09/6/2021, 11/7/2021, 10/8/2021, 08/9/2021, 08/10/2021 mỗi lần trả 3.100.000 đồng, tính trả lãi đến ngày 30/9/2021. Như vậy bị cáo cho chị H vay số tiền gốc là 35.000.000 đồng từ ngày 31/7/2020 đến ngày 30/9/2021 chị H trả cho bị cáo tổng số tiền lãi là 41.350.000 đồng (*bị cáo thu tiền lãi của 420 ngày, tương đương lãi suất 102,7% /năm, gấp 5,133 lần lãi suất theo quy định*), trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 8.054.795 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 33.295.205 đồng. Đến ngày 05/11/2021 Cơ quan điều tra phát hiện; số tiền lãi từ ngày 01/10/2021 đến ngày 05/11/2021 theo thỏa thuận chị H phải trả cho bị cáo là 3.675.000 đồng (tiền lãi của 35 ngày, tương đương lãi suất 109,5% /năm, gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định, trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 671.232 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.003.768 đồng) chị H chưa trả bị cáo. Toàn bộ số lãi 41.350.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân

hết. Đối với số tiền gốc 35.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 01/10/2021 đến ngày 05/11/2021 là 3.675.000 đồng chị H chưa trả cho bị cáo.

- Cho anh Vi Việt D, trú tại tổ dân phố 07, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vay 08 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 25/7/2020, bị cáo cho anh Vi Việt D vay 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau khi vay tiền, anh D đã 03 lần trả lãi cho bị cáo, mỗi lần 1.500.000 đồng vào các ngày 25/7/2020, 02/10/2020, 24/10/2020. Như vậy bị cáo cho anh D vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng từ ngày 25/7/2020 đến ngày 25/10/2020 anh D trả cho bị cáo tổng số tiền lãi là 4.500.000 đồng (*bị cáo thu tiền lãi của 90 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*), trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 493.151 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.006.849 đồng. Toàn bộ số lãi 4.500.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng, anh D đã trả cho bị cáo.

Lần 2: Ngày 26/10/2020, bị cáo cho anh D vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau khi vay tiền, anh D đã 02 lần trả lãi cho bị cáo vào ngày 26/10/2020 trả 1.500.000 đồng; ngày 09/01/2021 trả 750.000 đồng. Như vậy bị cáo cho anh D vay số tiền gốc 10.000.000 đồng từ ngày 26/10/2020 đến 11/12/2020 anh D trả cho bị cáo tổng số tiền lãi là 2.250.000 đồng (*bị cáo thu tiền lãi của 45 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*), trong đó số lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 246.576 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.003.424 đồng. Toàn bộ số lãi 2.250.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 11/12/2020, anh D trả cho bị cáo 7.000.000 đồng tiền gốc vay ngày 26/10/2020, còn nợ lại số tiền gốc là 3.000.000 đồng, bị cáo tiếp tục tính lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Ngày 09/01/2021, Anh D trả lãi tính đến ngày 24/12/2020 số tiền là 150.000 đồng (*bị cáo thu tiền lãi của 13 ngày, tương đương lãi suất 140,4%/năm, gấp 7,02 lần lãi suất theo quy định*), trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 21.370 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 128.630 đồng. Toàn bộ số tiền lãi 150.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Đối với số tiền gốc 3.000.000 đồng, anh D chưa trả cho bị cáo nên bị cáo đã chuyển sang khoản vay ngày 24/12/2020.

Lần 3: Ngày 24/12/2020, bị cáo cho anh D vay thêm 5.000.000 đồng, (cộng với 3.000.000 đồng tiền gốc còn lại của lần vay cũ ngày 26/10/2020, thành tổng số tiền gốc là 8.000.000 đồng), thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau khi vay tiền, anh D trả lãi từ ngày 24/12/2020 đến ngày 24/01/2021 số tiền là 1.200.000 đồng (*bị cáo thu tiền lãi của 30 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*), trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 82.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.117.808 đồng. Toàn bộ số tiền lãi 1.200.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Đối với số tiền gốc 8.000.000 đồng, anh D chưa trả cho bị cáo (khoản tiền này bị cáo không tính lãi kể từ ngày 24/01/2021 và đã chuyển thành khoản tiền gốc để tính lãi kể từ ngày 19/02/2021).

Lần 4: Ngày 09/01/2021, bị cáo cho anh D vay 5.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, bị cáo trừ tiền lãi tháng đầu tiên đến ngày 09/02/2021 với số tiền lãi phải trả là 750.000 đồng nhưng chỉ thu 700.000 đồng (*bị cáo thu tiền lãi của 30 ngày, tương đương lãi suất 170,4%/năm, gấp 8,52 lần lãi suất theo quy định*), trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 82.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 617.808 đồng. Toàn bộ số tiền lãi 700.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Đối với số tiền gốc 5.000.000 đồng anh D chưa trả cho bị cáo (từ ngày 09/02/2021 trở đi bị cáo không tính tiền lãi, cho đến ngày 19/02/2021 anh D tiếp tục vay tiền thì bị cáo mới bắt đầu tính lãi).

Lần 5: Ngày 19/02/2021, bị cáo cho anh D vay thêm 7.000.000 đồng, tính cả khoản vay gốc cũ anh D chưa trả trong lần vay ngày 24/12/2020 (8.000.000 đồng) và trong lần vay ngày 09/01/2021 (5.000.000 đồng) thì tổng số tiền gốc anh D vay bị cáo là 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng /01 triệu/01 ngày. Sau khi vay tiền, Anh D đã 02 lần trả lãi, cụ thể: Ngày 10/3/2021 trả 3.000.000 đồng; ngày 22/6/2021 trả 2.000.000 đồng (thỏa thuận chốt lãi tính đến ngày 13/4/2021). Như vậy bị cáo cho anh D vay số tiền gốc 20.000.000 đồng từ ngày 19/02/2021 đến ngày 13/4/2021, anh D thực trả cho bị cáo tổng số tiền lãi là 5.000.000 đồng (*bị cáo thu tiền lãi của 52 ngày, tương đương lãi suất 175,5% /năm, gấp 8,775 lần lãi suất theo quy định*), trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 569.820 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.430.180 đồng. Toàn bộ số tiền lãi 5.000.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng, anh D đã trả bị cáo.

Lần 6: Ngày 22/6/2021, bị cáo cho anh D vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau khi vay tiền, anh D đã 02 lần trả lãi cho bị cáo vào ngày 29/7/2021 trả 1.500.000 đồng, ngày 14/8/2021 trả 1.000.000 đồng. Như vậy bị cáo cho anh D vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng từ ngày 22/6/2021 đến ngày 14/8/2021 anh D thực trả lãi cho bị cáo là 2.500.000 đồng (*bị cáo thu tiền lãi của 53 ngày, tương đương lãi suất 172% /năm, gấp 8,6 lần lãi suất theo quy định*), trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 290.411 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.209.589 đồng. Toàn bộ số tiền lãi 2.500.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng, anh D chưa trả bị cáo nên bị cáo đã chuyển sang khoản vay ngày 14/8/2021.

Lần 7: Ngày 14/8/2021, Bị cáo cho anh D vay thêm 10.000.000 đồng, tính cả khoản vay gốc cũ ngày 22/6/2021 thì tổng số tiền gốc anh D vay bị cáo là 20.000.000 đồng, thỏa thuận tính lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau khi vay tiền, anh D đã 02 lần trả lãi cho bị cáo, cụ thể ngày 21/9/2021 trả 3.000.000 đồng, ngày 15/10/2021 trả 3.000.000 đồng, tính lãi đến ngày 14/10/2021. Như vậy bị cáo cho anh D vay số tiền gốc 20.000.000 đồng từ ngày 14/8/2021 đến ngày 14/10/2021 anh D trả cho bị cáo tổng số tiền lãi là 6.000.000 đồng (*bị cáo thu tiền lãi của 60 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*), trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 657.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.342.466 đồng. Đến ngày 05/11/2021 Cơ quan điều tra phát hiện; số tiền lãi từ ngày 15/10/2021 đến ngày 05/11/2021 theo thỏa thuận anh D, phải trả cho bị cáo là 2.100.000 đồng (tiền lãi của 21 ngày, tương đương lãi suất

182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định, trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 230.136 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.869.864 đồng) anh D chưa trả bị cáo. Toàn bộ số tiền lãi 6.000.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng và khoản tiền lãi từ ngày 15/10/2021 đến ngày 05/11/2021 là 2.100.000 đồng anh D chưa trả bị cáo.

Lần 8: Ngày 22/9/2021, bị cáo cho anh D vay 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau khi vay tiền, anh D trả lãi đến ngày 22/10/2021 với tổng số tiền lãi là 3.000.000 đồng (*bị cáo thu tiền lãi của 30 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*), trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 328.767 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng. Đến ngày 05/11/2021 Cơ quan điều tra phát hiện; số tiền lãi từ ngày 23/10/2021 đến ngày 05/11/2021 theo thỏa thuận anh D, phải trả cho bị cáo là 1.300.000 đồng (tiền lãi của 13 ngày, *tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*, trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 142.455 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.157.545 đồng) anh D chưa trả bị cáo. Toàn bộ số tiền lãi 3.000.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Đối với gốc 20.000.000 đồng, và khoản tiền lãi từ ngày 23/10/2021 đến ngày 05/11/2021 là 1.300.000 đồng, anh D chưa trả bị cáo.

Như vậy bị cáo cho anh D vay tiền 08 lần, với tổng số tiền gốc bỏ ra cho vay là 77.000.000 đồng, Tính đến ngày bị cơ quan điều tra phát hiện thì số tiền lãi anh D phải trả bị cáo là 28.700.000 đồng (trong đó lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 3.243.233 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 25.456.767 đồng), anh D mới trả cho bị cáo số tiền lãi là 25.300.000 đồng, trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 2.793.973 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 22.506.027 đồng. Toàn bộ số tiền lãi 25.300.000 đồng bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Số tiền gốc anh D đã trả bị cáo 37.000.000 đồng. Hiện anh D còn nợ lại bị cáo số tiền gốc là 40.000.000 đồng (trong đó có 20.000.000 đồng vay ngày 14/8/2021 và 20.000.000 đồng vay ngày 22/9/2021) và khoản tiền lãi là 3.400.000 đồng (khoản tiền lãi từ ngày 23/10/2021 đến ngày 05/11/2021 là 1.300.000 đồng và khoản tiền lãi từ ngày 15/10/2021 đến ngày 05/11/2021 là 2.100.000 đồng).

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSTP ngày 27 tháng 01 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Trần Thành L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự đã viện dẫn trên.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Thành L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, phạt tiền đối với bị cáo Trần Thành L từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng. Không áp dụng khoản 3, Điều 201 Bộ luật Hình sự (do đã áp dụng phạt tiền là hình phạt chính).

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy j4+, màu đen, đã qua sử dụng.

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước tổng số tiền 138.835.068 đồng, gồm số tiền gốc bị cáo Trần Thành L dùng vào việc phạm tội là 127.000.000 đồng và số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được là 11.835.068 đồng, trong đó truy thu cụ thể như sau: Truy thu của bị cáo Trần Thành L tổng số tiền 48.835.068 đồng (trong đó 37.000.000 đồng là số tiền gốc anh Vi Việt D đã trả cho bị cáo và 11.835.068 tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được); truy thu của anh Phạm Thế A 15.000.000; của chị Đặng Thị Thu H 35.000.000 đồng; của anh Vi Việt D 40.000.000 đồng (là số tiền gốc anh Vi Việt D, anh Phạm Thế A, chị Đặng Thị Thu H đã vay của bị cáo nhưng chưa trả cho bị cáo). Ghi nhận bị cáo Trần Thành L đã tự nguyện nộp số tiền 60.314.932 đồng để khắc phục hậu quả thể hiện tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0000151 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang.

- Buộc bị cáo phải trả cho anh Vi Việt D số tiền lãi bị cáo thu trái pháp luật là 22.500.000 đồng (làm tròn số); trả cho anh Phạm Thế A số tiền lãi bị cáo thu trái pháp luật là 4.300.000 đồng.

- Hủy Lệnh phong tỏa tài khoản số 10 ngày 09/11/2021 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đối với số tài khoản 106006561405 chủ tài khoản Trần Thành L, số tiền phong tỏa trong tài khoản là 17.799.769đ.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 11.479.864 đồng là số tiền còn thừa (trong số tiền 60.314.932 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả) nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Thành L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục nhận tội, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi vi phạm của mình

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Thế A; anh Vi Việt D; chị Đặng Thị Thu H đều vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt) nhưng trong lời khai có trong hồ sơ vụ án các anh: Phạm Thế A, Vi Việt D và chị Đặng Thị Thu H đều xác nhận khoản tiền vay; lãi suất vay; khoản tiền gốc, tiền lãi đã trả cũng như khoản tiền gốc, tiền lãi chưa trả cho bị cáo Trần Thành L đúng như lời khai của bị cáo. Đối với số tiền lãi vượt quá lãi quy định của Bộ luật Dân sự (20%) mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Thế A; anh Vi Việt D; chị Đặng Thị Thu H đã trả cho bị cáo thì trong đơn xin xử vắng mặt, anh Phạm Thế A và anh Vi Việt D đều có yêu cầu bị cáo Trần Thành L phải hoàn trả (trong đó của anh Vi Việt D yêu cầu bị cáo hoàn trả 22.500.000 đồng; anh Phạm Thế A yêu cầu bị cáo hoàn trả 4.300.000 đồng). Riêng chị Đặng Thị Thu H trong đơn đề nghị ngày 29/4/2022 không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật mà chị đã trả.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thành L tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản giao nhận tài liệu do Trần Thành L giao nộp, sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của Trần Thành L, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 25/7/2020 đến ngày 22/10/2021, trên địa bàn thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Trần Thành L đã có hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất 3.000 đồng đến 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm đến 182,5%/năm, cao gấp từ 5,457 lần đến 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (*Mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%/năm*), cụ thể:

Từ ngày 20/01/2021 đến ngày 20/10/2021, bị cáo Trần Thành L cho anh Phạm Thế A, trú tại tổ dân phố 02, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay 15.000.000 đồng. Tính đến ngày bị Cơ quan điều tra phát hiện thì số tiền lãi anh Phạm Thế A phải trả cho bị cáo là 6.020.000 đồng (trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 1.117.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 7.137.000 đồng) anh Phạm Thế A mới trả cho bị cáo số tiền lãi là 5.300.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 986.301 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.313.699 đồng.

Từ ngày 31/7/2020 đến ngày 30/9/2021, bị cáo Trần Thành L cho chị Đặng Thị Thu H, trú tại tổ dân phố 04, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay 35.000.000 đồng. Tính đến ngày bị Cơ quan điều tra phát hiện thì số tiền lãi chị H phải trả cho bị cáo là 45.025.000 đồng (trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 8.722.027 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 36.302.973 đồng). Chị H mới trả cho bị cáo số tiền lãi là 41.350.000 đồng, trong đó số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 8.054.795 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 33.295.205 đồng.

Từ ngày 25/7/2020 đến ngày 22/10/2021, bị cáo Trần Thành L cho anh Vi Việt D, trú tại tổ dân phố 07, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vay 08 (tám) lần, với tổng số tiền cho vay là 77.000.000 đồng. Tính đến ngày bị cơ quan điều tra phát hiện thì số tiền lãi anh D phải trả bị cáo là 28.700.000 đồng (trong đó tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 3.243.233 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 25.456.767 đồng), anh D mới trả cho bị cáo số tiền lãi là 25.300.000 đồng, trong đó số tiền tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 2.793.973 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 22.506.027 đồng.

Tổng số tiền bị cáo cho anh Phạm Thế A, anh Vi Việt D và chị Đặng Thị Thu H vay là 127.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi tính đến ngày cơ quan điều tra phát hiện là 79.745.000 đồng. Tổng số tiền lãi bị cáo đã thu được là 71.950.000 đồng, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là 11.835.068 đồng (*mười một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng*), số tiền bị cáo thu lợi bất chính và được hưởng lợi là 60.114.932 đồng (*sáu mươi triệu một trăm mười bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng*).

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo đã có hành vi cho người khác vay tiền với thỏa thuận lãi suất cao gấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất được Bộ luật Dân sự quy định, thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng (nhưng chưa đến 100.000.000 đồng); hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định, cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích xuất sắc trong công tác (được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tặng Bằng khen *Đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid năm 2021*); tự nguyện nộp toàn bộ khoản tiền gốc và khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/ năm mà những người vay đã trả. Vì vậy được áp dụng tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, do vậy cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử thấy mức án mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đề nghị áp dụng đối với bị cáo (phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến

80.000.000 đồng) là phù hợp nên chấp nhận. Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với chị Phan Thị Th (vợ bị cáo) giúp bị cáo đưa tiền gốc cho người vay tiền là chị Đặng Thị Thu H, hướng dẫn viết giấy vay tiền, đứng tên “*người cho vay*” trên giấy vay tiền, thu tiền gốc của người vay là chị H. Tuy nhiên, bản thân chị Th không biết việc bị cáo cho người khác vay tiền với lãi suất cao; đối với chị Nguyễn Kiều O và chị Nguyễn Thị Quỳnh Tr là những người cho bị cáo mượn số tài khoản để người vay chuyển tiền lãi nhưng chị Tr và chị O không biết, không tham gia cùng bị cáo cho người khác vay tiền thu lãi cao. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy j4+, màu đen, đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Trần Thành L trong quá trình điều tra là phương tiện bị cáo Trần Thành L dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Đối với số tiền 127.000.000 đồng bị cáo Trần Thành L sử dụng cho vay lãi nặng là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong đó bị cáo Trần Thành L phải nộp 37.000.000 đồng (là số tiền gốc anh Vi Việt D đã trả cho bị cáo); anh Phạm Thế A phải nộp 15.000.000 đồng (số tiền gốc này do anh Phạm Thế A chưa trả cho bị cáo); anh Vi Việt D phải nộp 40.000.000 đồng (số tiền gốc này anh D chưa trả cho bị cáo); chị Đặng Thị Thu H phải nộp 35.000.000 đồng (số tiền gốc này chị H chưa trả cho bị cáo). Ghi nhận bị cáo Trần Thành L đã tự nguyện nộp số tiền 37.000.000 đồng trong tổng số 60.314.932 đồng bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả thể hiện tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0000151 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang.

- Đối với số tiền lãi 11.835.068 (tương ứng lãi suất 20%/năm) bị cáo Trần Thành L thu được của anh Phạm Thế A, anh Vi Việt D và chị Đặng Thị Thu H (trong đó anh Phạm Thế A đã trả 986.301 đồng; Chị Đặng Thị Thu H đã trả 8.054.795 đồng; anh Vi Việt D đã trả 2.793.973) đồng là khoản tiền do phạm tội mà có cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Ghi nhận bị cáo Trần Thành L đã tự nguyện nộp số tiền 11.835.068 đồng trong tổng số 60.314.932 đồng bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả thể hiện tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0000151 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang.

- Đối với số tiền lãi 22.500.000 đồng (làm tròn số) bị cáo đã thu của anh Vi Việt D và khoản tiền lãi 4.300.000 đồng bị cáo đã thu của anh Phạm Thế A là khoản tiền lãi bị cáo thu trái pháp luật (vượt mức lãi suất 20%/năm) cần buộc bị cáo trả lại cho anh Vi Việt D và anh Phạm Thế A. Riêng khoản tiền lãi bị cáo thu trái pháp luật (vượt mức lãi suất 20%/năm) của chị Đặng Thị Thu H, do chị H đã có đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp chị H sau này có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng 01 vụ án dân sự độc lập.

- Đối với Lệnh phong tỏa tài khoản số 10 ngày 09/11/2021 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an tỉnh Tuyên Quang đối với số tài khoản 106006561405 chủ tài khoản Trần Thành L, số tiền phong tỏa trong tài khoản là 17.799.769đ, cần tuyên hủy (do bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả).

- Đối với số tiền 11.479.864 đồng là số tiền còn thừa (trong số tiền 60.314.932 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả) sau khi trừ đi khoản tiền bị cáo phải nộp (37.000.000 đồng tiền gốc bị cáo thu được của anh Vi Việt D và 11.835.068 là số tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm mà bị cáo đã thu được của những người vay), cần trả lại cho bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thành L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt bị cáo Trần Thành L 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy j4+, màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo Trần Thành L.

Tình trạng vật chứng thể hiện như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 14/02/2022.

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước tổng số tiền gốc 127.000.000 đồng bị cáo Trần Thành L dùng vào việc phạm tội trong đó truy thu cụ thể như sau: Truy thu của bị cáo Trần Thành L 37.000.000 (*ba mươi bảy triệu*) đồng; truy thu của anh Phạm Thế A 15.000.000 (*mười năm triệu*) đồng; truy thu của anh Vi Việt D 40.000.000 (*bốn mươi triệu*) đồng; truy thu của chị Đặng Thị Thu H 35.000.000 (*ba mươi lăm triệu*) đồng.

- Truy thu của bị cáo Trần Thành L số tiền 11.835.068 (*mười một triệu tám trăm ba mươi năm nghìn không trăm sáu mươi tám*) đồng (là số tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm mà bị cáo đã thu được của anh Phạm Thế A, anh Vi Việt D và chị Đặng Thị Thu H) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trần Thành L trả lại cho anh Vi Việt D và anh Phạm Thế A số tiền 26.800.000 (*hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn*) đồng (là số tiền lãi vượt quá lãi suất 20%/năm). Trong đó trả cho anh Vi Việt D 22.500.000 (*hai mươi hai triệu năm trăm nghìn*) đồng; trả cho anh Phạm Thế A 4.300.000 (*bốn triệu ba trăm nghìn*) đồng.

Ghi nhận bị cáo Trần Thành L đã tự nguyện nộp số tiền 37.000.000 (*ba mươi bảy triệu*) đồng (là số tiền gốc anh Vi Việt D đã trả cho bị cáo) và số tiền 11.835.068

(là số tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm mà bị cáo đã thu được của anh Phạm Thế A, anh Vi Việt D và chị Đặng Thị Thu H). Tổng số tiền bị cáo đã nộp là 48.835.068 đồng (*bốn mươi tám triệu tám trăm ba mươi năm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng*), tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0000151 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang;

- Trả lại cho bị cáo Trần Thành L số tiền 11.479.864 đồng là số tiền còn thừa trong số tiền 60.314.932 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000151 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang, nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

- Hủy Lệnh phong tỏa tài khoản số 10 ngày 09/11/2021 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an tỉnh Tuyên Quang đối với số tài khoản 106006561405, chủ tài khoản Trần Thành L, số tiền phong tỏa trong tài khoản là 17.799.769 đồng.

4. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Bị cáo Trần Thành L phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Thành L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Phạm Thế A, anh Vi Việt D và chị Đặng Thị Thu H) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật (bị cáo được kháng cáo toàn bộ nội dung bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Khắc Đồng – Lê Thị Thảo

Nguyễn Tuấn Vinh

